

Biểu mẫu 21

(Kèm theo công văn số 8448/BGDĐT-KHTC ngày 22 tháng 11 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng

TT	Nội dung	Khóa học/Năm TN	Số SV nhập học	Số SV TN	Phân loại tốt nghiệp (%)						Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường
					Loại X.Sắc		Loại Giỏi		Loại Khá		
I	Đại học chính quy				SL	%	SL	%	SL	%	
a	Chương trình đại trà										68.5%
1	SP Toán học	2009/2013	54	53	0	0,0%	21	39,6%	32	60,4%	68,5%(Khóa đào tạo 2007 – 2011. Đối với khóa đào tạo 2008–2012, Trường đã tiến hành đánh giá mức độ đáp ứng công việc của người học tại cơ sở giáo dục với 54,96% người học đáp ứng từ mức khá trở lên, tỉ lệ người học đáp ứng nhu cầu công việc ở mức trung bình trở lên cũng đạt 83,2%)
2	SP Tin học	2009/2013	42	37	0	0,0%	9	24,3%	28	75,7%	
3	SP Vật lý	2009/2013	55	51	3	5,9%	13	25,5%	34	66,7%	
4	SP Hóa học	2009/2013	53	49	3	6,1%	28	57,1%	18	36,7%	
5	SP Sinh học	2009/2013	38	33	2	6,1%	7	21,2%	24	72,7%	
6	SP Ngữ Văn	2009/2013	55	52	7	13,5%	37	71,2%	8	15,4%	
7	SP Lịch sử	2009/2013	51	48	0	0,0%	23	47,9%	25	52,1%	
8	SP Địa lý	2009/2013	61	61	0	0,0%	20	32,8%	40	65,6%	
9	GD Chính trị	2009/2013	45	43	0	0,0%	22	51,2%	21	48,8%	
10	GD T.Chất-GD QP	2009/2013	47	43	3	7,0%	17	23,0%	23	53,5%	
11	GD Tiểu học	2009/2013	83	81	0	0,0%	52	64,2%	29	35,8%	
12	GD Mầm non	2009/2013	92	89		0,0%	16	18,0%	73	82,0%	
13	Toán -Tin	2009/2013	87	54	0	0,0%	2	3,7%	48	88,9%	
14	CN Thông Tin	2009/2013	132	84	1	1,2%	15	17,9%	60	71,4%	
15	Vật lý	2009/2013	46	31	0	0,0%	0	0,0%	31	100,0%	
16	Hóa học (PT- MT)	2009/2013	44	40	0	0,0%	14	35,0%	26	65,0%	
17	Hóa học (hóa dược)	2009/2013	49	44	2	4,5%	11	25,0%	29	65,9%	
18	Quản lý môi trường	2009/2013	41	38	1	2,6%	15	39,5%	22	57,9%	
19	Sinh-MTường	2009/2013	19	19	1	5,3%	11	57,9%	7	36,8%	
20	Văn học	2009/2013	143	130	4	3,1%	63	48,5%	63	48,5%	
21	Văn hóa học	2009/2013	66	54	1	1,9%	23	42,6%	30	55,6%	
22	Báo chí	2009/2013	52	46	0	0,0%	11	23,9%	35	76,1%	
23	Việt Nam học	2009/2013	49	46	1	2,2%	11	23,9%	34	73,9%	
24	Việt Nam học (LT)	2009/2013	82	72	0	0,0%	11	15,3%	61	84,7%	
25	Địa lý học	2009/2013	52	50	1	2,0%	8	16,0%	41	82,0%	
26	Tâm lý học	2009/2013	72	60	1	1,7%	15	25,0%	44	73,3%	
II	Cao đẳng chính quy										
a	Chương trình đại trà										
27	CĐSP Âm nhạc	K 2010/2013	33	20	1	5,0%	6	30,0%	14	65,0%	
Tổng			1643	1428	32	2,2%	481	33,7%	900	63,0%	

		chuyên ngành của ngành kết hợp khả năng khai thác, sử dụng các phương pháp, công cụ hiện đại để thiết kế và đánh giá các giải pháp hệ thống/quá trình/sản phẩm kỹ thuật Thành thạo tin học, nhất là tin học chuyên ngành Khả năng ứng dụng và phát triển chuyên môn và các lĩnh vực liên quan Về tiếng Anh: Sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc, có kỹ năng nghe/nói/đọc/viết tiếng Anh, tương đương chuẩn IELTS 4.5..	định phân tích vấn đề -Xây dựng các phương án và biết lựa chọn các phương án hợp lý; -Có hiểu biết sâu sắc về các hoạt động hành chính và tổ chức, có khả năng điều hành tốt các nhóm, các bộ phận công tác -Có khả năng độc lập nghiên cứu; Có thể tiếp tục học tập ở các cấp học cao hơn. Về ngoại ngữ Trình độ năng lực của học viên đạt được ở mức tương đương cấp B1 –Khung chung châu Âu (Common European Framework – CEF).
VII	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	Nghiên cứu sinh tốt nghiệp chuyên ngành nghiên cứu có thể công tác với tư cách là nhà giáo dục, nhà nghiên cứu về chuyên môn tại các trường Đại học, Cao đẳng, các Viện nghiên cứu, hay với tư cách là các nhà hoạt động chuyên môn trình độ cao và các nhà quản lý tại các công ty, các cơ quan quản lý Nhà nước	Những người tốt nghiệp cao học có thể đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu viên chính, giáo viên, giảng viên chính trong nghiên cứu giảng dạy cũng như các nhiệm vụ nghiên cứu quản lý trong hoạt động khác

rk